TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-PT
Ngày: 30/01/2026
V/v tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: 1/ Bà Đặng Thị Bích Loan

2/ Bà Võ Thị Mỹ H

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Thoa -Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Tĩnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 và 30 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 150/2025/TLPT-HNGĐ ngày 13/11/2025 về việc "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn ". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 223/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7306/2025/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23490/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Viết C, sinh năm 1975 (có mặt); Địa chỉ: 1180/9/12 Quang Trung, Phường 8 quận H, Thành phố H.

Bị đơn: Bà Phan Thị Kiều H, sinh năm 1982 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt); Địa chỉ: 102/34 Dương Văn Dương, phường T, quận T, Thành phố H

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn bà H:

- Luật sư Nguyễn Thành L, sinh năm 1993 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt) và luật sư Đặng Thị Nhật K, sinh năm 1996 (có mặt); cùng thuộc Công ty luật TNHH N; Địa chỉ liên hệ: số 5 (tầng trệt) đường số 84, Phường 10, Quận P, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Công ty TNHH Thời trang S; Địa chỉ: 25 đường số 1, phường B, Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Văn V, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp 1, xã Phú Điền, huyện T, Tỉnh Đ.

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1982; Địa chỉ: 27/19 Đỗ Công Tường, khu phố 1, phường T, Thành phố H

3/ Bà Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1957; Địa chỉ: Ấp 1, xã Phú Điền, huyện T, Tỉnh Đ

4/ Bà Đỗ Thị Kim V, sinh năm 1982; Địa chỉ: 154/12/12 khu phố 48, phường Đ, Thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà L1, bà V: Bà Hứa Thị Kim N, sinh năm 1977 (có mặt); Địa chỉ: Ấp 1, xã Phú Điền, huyện T, Tỉnh Đ.

5/ Bà Đặng Phan Mỹ D, sinh năm 2006 (vắng mặt); Địa chỉ: Địa chỉ: 102/34 Dương Văn Dương, phường T, quận T, Thành phố H.

6/ Trẻ Đặng Phan Minh K, sinh năm 2014, có mẹ là bà Phan Thị Kiều H đại diện hợp pháp (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt); Địa chỉ: Địa chỉ: 102/34 Dương Văn Dương, phường T, quận T, Thành phố H.

7/ Công ty TNHH S; Địa chỉ: 106 Dương Văn Dương, phường T, Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Viết C, sinh năm 1975 (có mặt); Địa chỉ: 1180/9/12 Quang Trung, Phường 8 quận H, Thành phố H.

Do có kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Viết C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc L1, bà Nguyễn Thị Mai L, bà Đỗ Thị Kim V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Đặng Viết C có người đại diện theo ủy quyền là bà Bùi Công Phú H trình bày:

Ông C và bà Phan Thị Kiều H đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 320/2022/QĐST-HNGD ngày 25/4/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng chưa yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.Trong thời kỳ hôn nhân, ông C bà H có tạo lập được khối tài sản chung gồm:

- Nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số 106 Dương Văn Dương, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh L và bà Lê Thị Kiều O theo Hợp đồng số 0085663, quyển số 08/2022TP/CC-SCC/HDGD ngày 01/8/2022 với giá 4.000.000.000 đồng (thực tế giá chuyển nhượng là 8.450.000.000 đồng). Sau khi bán nhà thì bà H đã phân chia tiền bán nhà, trả nợ Ngân hàng, việc phân chia được bà H tự ghi giấy tay

(không đề ngày tháng năm) gửi cho ông C qua zalo, sau khi trừ đi các khoản nợ đã tất toán của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín **(Sacombank)**, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam **(Agribank)** thì số tiền còn lại mỗi người được nhận là 3.208.550.000 đồng.

Tuy nhiên, ông C bà H đã thống nhất khoản nợ 978.200.000 đồng của Agribank là nợ riêng của bà H nhưng bà H vẫn cấn trừ thành nợ chung thì ông C không đồng ý, ông đề nghị bà H phải trả lại ông ½ số tiền nợ Agribank là 489.100.000 đồng. Đối với số tiền 52.600.000 đồng bà H đã sử dụng để mua xe cho con gái Đặng Phan Mỹ D thì ông C đồng ý. Ông C đã nhận được số tiền 2.000.000.000 đồng.

Do đó ông C yêu cầu bà H phải trả cho ông 3.208.550.000 đồng + 489.100.000 đồng - 52.600.000 đồng - 2.000.000.000 đồng =1.645.050.000 đồng. Đồng thời phải trả tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày bà H nhận được tiền chuyển nhượng nhà đất 106 Dương Văn Dương đến khi giải quyết xong vụ án. Tạm tính từ ngày 02/8/2022 đến ngày 02/8/2024 là 1.645.050.000 x 10%/năm x 2 năm = 329.010.000 đồng.

- Hai xe ô tô gồm: 01 xe ô tô Toyota Innova biển số 51A-768.70 đã bán cho bà H với giá 121.000.000 đồng (đã bao gồm VAT) và 01 xe ô tô tải biển số 51C-815.03 đã bán Công ty TNHH Thời trang S với giá 55.000.000 đồng (đã bao gồm VAT), tổng cộng là 176.000.000 đồng. Ông C yêu cầu bà H và Công ty TNHH Thời trang S liên đới thanh toán cho ông C ½ giá trị của 02 xe ô tô trên, tương đương số tiền 88.000.000 đồng.

- Nhà, đất tọa lạc tại địa chỉ số 102/34 Dương Văn Dương, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV695493, số vào sổ CH02703 do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú cấp cho ông Đặng Viết C và bà Phan Thị Kiều H ngày 05/11/2014 hiện bà H đang quản lý, sử dụng. Căn cứ theo kết quả định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Sao Việt ngày 22/6/2023 thì nhà đất này trị giá 4.018.762.000đồng, ông C yêu cầu được chia ½ giá trị của nhà đất này tương ứng 2.009.381.000đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản ông C yêu cầu được chia là 1.645.050.000 đồng + 329.010.000 đồng + 88.000.000 đồng + 2.009.381.000đồng =4.071.441.000 đồng. Yêu cầu được nhận một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông C xác nhận ông và bà H có ký "Giấy xác nhận nợ để thuận tình ly hôn" ngày 14/4/2022 xác nhận có nợ bà Nguyễn Thị Ngọc L1, bà Nguyễn Thị Mai L, bà Đỗ Thị Kim V. Đối với yêu cầu độc lập của bà L1, bà L, bà V thì ông C đồng ý trả tiền gốc còn số tiền lãi thì ông C không đồng ý trả, đồng thời ông yêu cầu Tòa án xác định thời hiệu đối với hợp đồng vay của bà V, bà L, bà L1.

Theo bị đơn bà Phan Thị Kiều H trình bày:

Bà và ông C đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 320/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông C có các tài sản và khoản nợ gồm:

-Nhà đất tại 106 Dương Văn Dương, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh:

Ngày 01/8/2022, bà H ông C đã bán căn nhà này với số tiền là 8.450.000.000 đồng và thỏa thuận chi phí như sau: trả tiền môi giới bán nhà 100.000.000 đồng, trả tiền thuế thu nhập cá nhân 80.000.000 đồng, trả nợ Sacombank 954.700.000 đồng, trả nợ Agribank 978.200.000 đồng, còn lại 6.337.100.000 đồng, chia đôi mỗi người một nửa là 3.208.550.000 đồng, như số tiền ông C đã thống nhất tại đơn khởi kiện. Thực hiện thỏa thuận bà đã gửi tiết kiệm cho con gái Đặng Phan Mỹ D 1.000.000.000 đồng, mua xe cho Mỹ Duyên 52.600.000 đồng, chuyển cho ông C số tiền 2.000.000.000 đồng nên số tiền ông C còn lại là 155.950.000 đồng, như Bảng kê không đề ngày tháng năm do bà viết và gửi qua zalo cho ông C.

Ông C cho rằng khoản nợ 978.200.000 đồng tại Agribank là nợ riêng của bà thì bà không đồng ý, bởi lẽ: Căn cứ hợp đồng tín dụng số 6320-LAV-20210062 ký ngày 01/07/2021 tại Agribank thì bên vay là ông C và bà H, mục đích vay là để bổ sung vốn sửa chữa và mua sắm nội thất cho căn nhà số 102/34 Dương Văn Dương- là khoản vay phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung của gia đình nên được xác định là khoản vay chung. Mặt khác đến thời điểm này ông C không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh có sự thỏa thuận thống nhất đây là khoản nợ riêng của bà và ông C vì vậy đây là khoản vay chung mà ông C bà H có nghĩa vụ phải trả sau khi bán nhà vì vậy ông C không có căn cứ để đòi lại số tiền 489.100.000 đồng.

Ông C thỏa thuận với bà và các con trước khi bán nhà là ông C sẽ cho con gái lớn Đặng Phan Mỹ D số tiền 1.000.000.000 đồng, bằng chứng là ngay sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất 106 Dương Văn Dương ngày 01/8/2022 thì bà và ông C cùng đến Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB), cùng ngày đó bà đã lập một số tiết kiệm trị giá 1.000.000.000 đồng cho con, vì con chưa đủ tuổi để lập sổ tiết kiệm và bà là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con nên bà đứng tên thay cho con (đính kèm giấy xác nhận số dư tiền gửi ngày 29/6/2023). Đồng thời con Đặng Phan Mỹ D có bản khai thừa nhận rằng "*Phần tiền của ba sau khi bản nhà sẽ cho con 01 tỷ đồng và kèm theo mua chiếc xe máy điện honda vision...*" thực tế là tại đơn khởi kiện của ông C cũng thừa nhận rằng "*Bà H dùng 52.600.000 đồng là tiền riêng của tôi mua xe cho gái chung là Đặng Phan Mỹ D, tôi đồng ý để lại số tiền này mua xe cho con".*

Hai bên đã phân chia xong vì thế, bà không đồng ý trả số tiền 1.645.050.000 đồng bán tiền nhà 106 Dương Văn Dương còn lại và 329.010.000 đồng tiền lãi chậm trả cho ông C như ông yêu cầu.

- Nhà đất tại 102/34 Dương Văn Dương, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh:

Hiện bà H và hai con Đặng Phan Mỹ D, Đặng Phan Minh K (sinh 2014) đang ở và là nơi ở duy nhất của bà, việc giữ ổn định nơi ở là yếu tố rất quan trọng đối với sự phát triển và sinh hoạt của ba mẹ con, đặc biệt là đối với hai con

nhỏ đang trong độ tuổi học hành. Bà đề nghị được nhận nhà 102/34 Dương Văn Dương, sau khi trừ các nghĩa vụ tài chính chung của bà và ông C thì phần tài sản còn lại sẽ chia theo quy định của pháp luật

- Đối với yêu cầu chia ½ giá trị 02 xe ô tô biển số đăng ký 51A-768.70 và biển số đăng ký 51C-815.03 là 88.000.000 đồng thì bà không đồng ý; do 02 xe này là tài sản của Công ty TNHH S (do ông C làm người đại diện theo pháp luật) không phải tài sản riêng của ông C nên ông C không có quyền yêu cầu trong vụ án này.

- Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông C có những khoản nợ chung theo "Giấy xác nhận nợ để thuận tình ly hôn" ngày 14/4/2022 gồm: nợ bà Nguyễn Thị Mai L 10.000 USD để mua nhà vào năm 2010 và số tiền 320.000.000 đồng; nợ bà Đỗ Thị Kim V 300.000.000 đồng năm 2018; nợ bà Nguyễn Thị Ngọc L1 số tiền là 500.000.000 đồng năm 2016. Ngoài ra có 2 khoản nợ đã được tất toán (nợ Sacombank 954.700.000 đồng, nợ Agribank 978.200.000 đồng). Nay bà V, bà L1, bà L có yêu cầu độc lập đòi trả nợ thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà H không đồng ý cùng ông C liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho những người có yêu cầu trên vì bà và ông C đã ly hôn vào ngày 25/4/2022, từ đó đến nay ông C chưa một lần nào thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu ông C và bà liên đới cùng trả các khoản nợ trên là ảnh hưởng đến bà và cuộc sống các con. Vì vậy bà đề nghị Tòa án không buộc bà cùng liên đới trả nợ với ông C.

Trường hợp ông C không đồng ý trả các khoản nợ chung, bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết giao bà được nhận căn nhà 102/34 Dương Văn Dương đồng thời bà sẽ chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ chung của bà và ông C.

Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Thời trang S có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Thái Duy trình bày:

Khoảng tháng 6/2022, Công ty TNHH Thời trang S có mua của Công ty TNHH S 01 xe ô tô biển số đăng ký 51C-815.03 với giá 55.000.000 đồng. Công ty TNHH Thời trang S không đồng ý việc nguyên đơn và Tòa án đưa Công ty Song Phát vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vì giao dịch trên là giao dịch giữa hai công ty với nhau không liên quan đến cá nhân của ông C, việc ông C khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn với bà H không liên quan đến Công ty Song Phát.Đề nghị Tòa án không tống đạt, triệu tập và chấm dứt tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của Công ty TNHH Thời trang S và công ty Song Phát yêu cầu vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị Kim V có người đại diện theo ủy quyền là bà Mai Thảo N trình bày:

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng ông C bà H có vay của bà Đỗ Thị Kim V số tiền 300.000.000 đồng với mức lãi suất tự thỏa thuận là 2%/tháng, mục đích để làm ăn kinh doanh, theo Giấy vay nợ ngày 02/01/2018.Đến 2022, để

việc ly hôn được giải quyết nhanh, vợ chồng ông C bà H thỏa thuận và cam kết hai vợ chồng tiếp tục trả nợ cho bà V theo "Giấy xác nhận nợ để thuận tình ly hôn" ngày 14/4/2022; Nội dung xác nhận ông C, bà H vay tiền của bà V từ năm 2018 với số tiền 300.000.000 đồng và cam kết sẽ thanh toán cả gốc và lãi khi bán nhà, văn bản này có chữ ký xác nhận của ông C, bà H. Từ khi vay (02/01/2018) đến ngày 21/7/2025 là 90 tháng 19 ngày bà V chưa nhận được tiền lãi và gốc từ ông C, bà H.

Nay bà V nhận thấy mức lãi suất thỏa thuận trên cao hơn so với quy định của pháp luật nên bà V đồng ý tính mức lãi suất 20%/năm theo quy định của pháp luật và yêu cầu ông C, bà H có trách nhiệm phải trả số tiền gốc là 300.000.000 đồng + tiền lãi tạm tính từ ngày 02/01/2018 đến ngày 21/7/2025 là 90 tháng 19 ngày là: 300.000.000 đồng x 20%/năm x 90 tháng 19 ngày = 453.369.863 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 753.369.863 đồng. Yêu cầu trả một lần tại thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp ông C bà H vẫn không thực hiện đề nghị xử lý tài sản chung của ông C và bà H tại 102/34 Dương Văn Dương để thanh toán nợ cho bà V.

Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Mai L có người đại diện theo ủy quyền là bà Mai Thảo N trình bày:

Khoảng ngày 13/09/2010, bà L có cho vợ chồng ông C bà H mượn 10.000 USD để mua căn nhà số 102/34 Dương Văn Dương, phường Tân Quý, quận Tân Phú, lãi suất là 0,8%/tháng. Tháng 02/2016, ông C, bà H tiếp tục vay 320.000.000 đồng của bà L để mua căn nhà 106 Dương Văn Dương, phường Tân Quý, quận Tân Phú, lãi suất 0,8%/tháng. Từ đó đến nay ông C, bà H không trả nợ gốc và lãi. Ông C bà H có ký "Giấy xác nhận nợ để thuận tình ly hôn" ngày 14/4/2022 thừa nhận các khoản tiền vay trên. Nay ông C và bà H yêu cầu tòa giải quyết chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà L yêu cầu như sau:

Đối với khoản vay 10.000 USD: bà L rút một phần yêu cầu độc lập về việc đòi trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,8%/tháng, chỉ yêu cầu trả nợ gốc là 10.000 USD tương đương 259.500.000 đồng (1);

Đối với khoản vay 320.000.000 đồng: thời gian vay từ tháng 02/2016 đến ngày 21/7/2025 là 114 tháng 19 ngày, lãi suất theo thỏa thuận 0,8%/tháng, tiền lãi là: 320.000.000 đồng x 0,8%/tháng x 114 tháng 19 ngày = 293.649.534 đồng. Tổng nợ gốc và lãi là 613.649.534 đồng (2).

Tổng số tiền bà L yêu cầu ông C bà H phải trả là (1) + (2) = 259.500.000 đồng + 613.649.534 đồng = 873.149.534 đồng. Yêu cầu trả một lần tại thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp ông C bà H vẫn không thực hiện đề nghị xử lý tài sản chung của ông C và bà H tại 102/34 Dương Văn Dương để thanh toán nợ cho bà.

Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc L1 có người đại diện theo ủy quyền là bà Mai Thảo N trình bày:

Vào tháng 01/2016, bà L1 có cho ông C và bà H vay 500.000.000 đồng với mức lãi suất theo thỏa thuận miệng là 1,2% tháng, để mua căn nhà 106 đường Dương Văn Dương nhưng từ đó đến nay vẫn chưa trả nợ gốc, lãi cho bà L1. Ông C bà H có ký "Giấy xác nhận nợ để thuận tình ly hôn" ngày 14/4/2022 thừa nhận khoản tiền vay trên, hiện nay bà L1 đang giữ bản chính tờ thỏa thuận này.

Lãi suất cho vay 1,2%/tháng là thỏa thuận miệng nên bà L1 đồng ý tính lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 10%/năm, từ tháng 01/2016 đến ngày 21/7/2025 là 114 tháng 19 ngày là: 500.000.000 đồng x 10%/năm x 114 tháng 19 ngày = 477.945.205 đồng.

Nay, ông C bà H đang yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn nên bà L1 yêu cầu ông C, bà H phải trả cho bà 500.000.000 đồng nợ gốc + 477.945.205 đồng tiền lãi = 977.945.205 đồng. Yêu cầu trả một lần tại thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp ông C bà H vẫn không thực hiện đề nghị xử lý tài sản chung của ông C và bà H tại 102/34 Dương Văn Dương để thanh toán nợ cho bà.

Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Phan Mỹ D trình bày: bà là con ruột của bà H và ông C, hiện đang ở cùng với mẹ là bà H và đang học đại học. Bà thống nhất trình bày của bà H.

Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là trẻ Đặng Phan Minh K, có bà Phan Thị Kiều H là mẹ đại diện hợp pháp, trình bày: **e**m Kiệt là con ruột của bà H và ông C, hiện em là học sinh lớp 5, em đang ở cùng mẹ là bà H và không có ý kiến gì trong vụ án này.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S có bà Bùi Công Phú H là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty TNHH S được thành lập ngày 05/07/2011, là loại hình doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên do cá nhân ông Đặng Viết C làm chủ sở hữu. Ngày 16/6/2022, Công ty TNHH S đã thanh lý 02 tài sản là:

-Xe ô tô Toyota Innova màu bạc, biển số 51A-76870, số khung RL4XW42GID9408485, số máy 1TR7684522, đã bán thanh lý cho bà H với số tiền 121.000.000 đồng.

-Xe ô tô tải thùng kín Frontier, màu xanh, biển số: 51C815.03, số khung RNHA350AKFC075138, số máy J2-731888, đã bán thanh lý cho Công ty TNHH Thời trang S, mã số thuế 0315148955, địa chỉ 106 Dương Văn Dương, phường Phú Thọ Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH S được thành lập trong thời gian bà H và ông C là vợ chồng nên theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân".Do đó, tài sản là tiền thanh lý 2 chiếc xe nêu trên là tài sản chung của ông C và bà H được hình thành trong

thời kỳ hôn nhân.Ông C và bà H đã ly hôn nhưng chưa chia tài sản, nay ông C yêu cầu được chia tiền bán thanh lý hai tài sản trên thì Công ty TNHH S không có ý kiến, yêu cầu, khiếu nại gì.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Ông C yêu cầu bà H phải trả cho ông các khoản sau: (1) Ông C rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà H phải trả lại ½ số tiền trả nợ Agribank là 489.100.000 đồng; cấn trừ vào tiền bán nhà 106 Dương Văn Dương còn lại là 1.645.050.000 đồng - 489.100.000 đồng=1.155.950.000đồng, làm tròn là 1.155.000.000đồng; (2) Tiền lãi do chậm trả số tiền trên từ ngày 02/8/2022 đến 21/7/2025 x lãi suất 10%/năm = 343.035.000đồng; (3) Tiền bán 02 xe ô tô là 38.000.000đồng; (4) Yêu cầu được chia ½ giá trị nhà đất 102/34 Dương Văn Dương là 1.808.703.504 đồng, đồng ý giao nhà cho bà H tiếp tục sử dụng. Tổng cộng các khoản yêu cầu bà H trả là 3.344.738.504 đồng.Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, bà V, bà L1 thì ông C chỉ đồng ý trả ½ số nợ gốc là 660.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi.

Bà H trình bày bà không đồng ý trả ông C 1.155.000.000 đồng tiền bán nhà 106 Dương Văn Dương còn lại, do trước khi bán nhà hai bên đã thỏa thuận cho con gái Mỹ Duyên số tiền 1.000.000.000 đồng, bà chỉ đồng ý trả lại cho ông C 155.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi chậm trả phát sinh từ tiền bán nhà 106 Dương Văn Dương là 343.035.000đồng như ông C yêu cầu, còn các khoản khác bà đồng ý như yêu cầu trên của ông C.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C thống nhất với yêu cầu và trình bày của ông C, yêu cầu bà H phải thanh toán cho ông C 3.344.738.504 đồng.Đối với yêu cầu độc lập của bà L, bà L1, bà V chỉ đồng ý trả tiền gốc, không chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H thống nhất ý kiến trên của bà H.Ông C đòi trả lại 1.155.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 343.035.000 đồng như trên là không có căn cứ vì sau khi bán nhà ông C bà H đã thỏa thuận chia xong nhà 106 Dương Văn Dương, cụ thể trừ các khoản nợ chung tại ngân hàng và các chi phí khác (tiền môi giới 100.000.000 đồng; tiền thuế thu nhập cá nhân 80.000.000 đồng) còn lại 6.337.100.000 đồng. Ông C tự nguyện nhận 2.000.000.000 đồng, cho con gái 52.600.000 đồng mua xe máy, trích 1.000.000.000 đồng mở sổ tiết kiệm cho con gái thông qua bà H, đồng ý chia cho bà H số tiền nhiều hơn là 231.900.000 đồng do bà H nhận trách nhiệm nuôi dưỡng hai con (bà H nhận 3.284.500.000 đồng).

Tổng cộng các khoản nợ chung của ông C, bà H trong quá trình hôn nhân gồm 753.369.863 đồng của bà V + 977.945.205 đồng của bà L1 + 873.149.534 đồng của bà L=2.604.464,602 đồng, ông C bà H mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số nợ là 1.302.232.301 đồng cho bà L, bà V, bà L1; Không đồng ý liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho bà L, bà L1 và bà V, vì ông C và bà H đã ly hôn, sau khi ly hôn ông C không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, việc yêu cầu bà H

liên đới trả các khoản nợ sẽ gây bất công, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của bà H.

Những người liên quan khác giữ nguyên ý kiến.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 223/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C.

1.1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C về việc buộc bà H trả số tiền bán nhà 106 Dương Văn Dương, phường Phú Thọ Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh còn lại cho ông C là 155.000.000 đồng.

1.2 Buộc bà H phải trả số tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền bán nhà 106 Dương Văn Dương cho ông C là 45.954.090 đồng

1.3 Không chấp nhận yêu cầu của ông C về việc buộc bà H phải trả số tiền 1.000.000.000 đồng tiền bán nhà 106 Dương Văn Dương và tiền lãi chậm thanh toán là 343.035.000 đồng.

1.4 Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông C về việc yêu cầu bà H phải trả cho ông C số nợ Agribank là 489.100.000 đồng.

1.5 Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể:

1.5.1 Bà H có nghĩa vụ trả cho ông C tiền bán hai xe ô tô là 38.000.000 đồng.

1.5.2 Bà H được quyền sở hữu nhà đất số 102/34 Dương Văn Dương, phường Phú Thọ Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh và có nghĩa vụ thanh toán lại 1/2 giá trị nhà đất này cho ông C là 1.808.703.504 đồng.Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Kim V.

3.1 Buộc ông C, bà H liên đới trách nhiệm trả cho bà V tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 20%/năm từ ngày 01/8/2022 đến ngày 21/7/2025 là 178.212.600 đồng. Tổng cộng là 478.212.600 đồng.

3.2 Không chấp nhận yêu cầu tính lãi từ ngày 02/01/2018 đến ngày 21/7/2025 là 453.369.863 đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mai L.

4.1 Buộc ông C, bà H liên đới trách nhiệm trả cho bà L số tiền gốc 10.000USD tương đương 259.500.000 đồng + tiền gốc 320.000.000 đồng và lãi suất 9,6%/năm trên số tiền gốc 320.000.000 đồng từ ngày 01/8/2022 đến ngày 21/7/2025 là 92.440.320 đồng. Tổng cộng là 671.940.320 đồng.

4.2 Không chấp nhận yêu cầu tính lãi từ ngày 02/01/2016 đến ngày 21/7/2025 đối với số nợ gốc 320.000.000 đồng là 293.649.534 đồng.

4.3 Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu độc lập của bà L đối với yêu cầu tính tiền lãi đối với số nợ 10.000USD.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc L1.

5.1 Buộc ông C, bà H liên đới trách nhiệm trả cho bà L1 tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày 01/8/2022 đến ngày 21/7/2025 là 148.239.000 đồng, tổng cộng là 648.239.000 đồng.

5.2 Không chấp nhận yêu cầu tính lãi từ ngày 02/01/2016 đến ngày 21/7/2025 là 477.945.205 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.Sau khi xét xử sơ thẩm, ông C, bà L, bà L1, bà V có đơn ngày 30/7/2025 và 07/8/2025 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông C là nguyên đơn đồng thời là người kháng cáo trình bày: ông khẳng định giữa ông và bà H không có văn bản nào thỏa thuận, hứa hẹn sau khi bán nhà 106 Dương Văn Dương sẽ cho con Mỹ Duyên 1.000.000.000 đồng, file ghi âm cuộc nói chuyện mà bà H lập vi bằng nộp tòa án bị thiếu phần sau (nội dung ông nói rõ không đồng ý cho con số tiền 1.000.000.000đồng) vì vậy ông giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu bà H phải trả lại ông số tiền 1.000.000.000 đồng này và tiền lãi do chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày bà H nhận tiền bán nhà đến khi giải quyết xong vụ án, tạm tính từ ngày 02/8/2022 đến ngày 02/8/2025 là 3 năm x 1.000.000.000đồng x 10%/năm = 300.000.000đồng. Bà H giữ tiền bán nhà nhưng không thanh toán nợ làm phát sinh tiền lãi chậm trả cho bà V, bà L, bà L1 là lỗi của bà H nên bà H phải chịu trách nhiệm trả tiền lãi chậm trả cho 3 người này.

Bà H là bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có ý kiến. Luật sư bảo vệ quyền lợi của bà H trình bày: bà H ông C có thỏa thuận sau khi bán nhà 106 Dương Văn Dương sẽ cho con Mỹ Duyên 1.000.000.000 đồng và 52.600.000đồng tiền mua xe máy, thể hiện qua vi bằng bà H cung cấp cho Tòa án: khi bà H nói rõ cho ông C biết bà đã mở sổ tiết kiệm 1.000.000.000 đồng tại ngân hàng cho con Mỹ Duyên thì ông C không phản đối, do lúc đó Duyên chưa đủ 18 tuổi nên bà H đứng ra gửi tiết kiệm tại ngân hàng thay cho Duyên. Tiền bán nhà 106 Dương Văn Dương đã thỏa thuận chia xong nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu đòi lại 1.000.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả như ông C yêu cầu. Đối với khoản nợ vay của bà L1, bà L, bà V tiền gốc đương nhiên phải trả, về lãi, đề nghị Tòa xem xét chấp nhận buộc ông C bà H phải trả lãi tính từ thời điểm cho vay tiền đến khi giải quyết xong vụ án, đồng thời, vì ông C không cấp dưỡng nuôi con nên yêu cầu chia đôi khoản nợ phải trả cho bà V, bà L1, bà L, ông C bà H mỗi người phải trả ½ khoản nợ này, không xác định nghĩa vụ liên đới trả nợ chung của bà H và ông C như án sơ thẩm, để không ảnh hưởng quyền lợi của bà H.

Bà V, bà L1, bà L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kháng cáo, có bà Hứa Thị Kim N là người đại diện theo ủy quyền trình

bày: theo ‘’Giấy xác nhận để thuận tình ly hôn’’ ngày 14/4/2022 ông C bà H thừa nhận có vay nợ, vì vậy, bà V, bà L1, bà L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu ông C bà H phải trả cho các bà khoản nợ gốc, lãi tính từ lúc vay tiền đến nay. Đề nghị tòa án buộc ông C bà H mỗi người phải trả ½ số nợ này cho bà V bà L bà L1, không xác định là nghĩa vụ liên đới như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.Về hình thức đơn kháng cáo của ông C, bà L1, bà L, bà V còn trong hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung kháng cáo: xét thấy ông C bà H tranh chấp số tiền 1.000.000.000đồng tiền bán nhà 106 Dương Văn Dương còn lại, bà H khai ông C đã thỏa thuận cho con số tiền này còn ông C không thừa nhận đã thỏa thuận cho con số tiền này, file ghi âm bà H nộp có nói đã gửi tiết kiệm cho con nhưng ông C không phản đối nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông C là có cơ sở. Về nợ, theo “giấy xác nhận nợ để thuận tình ly hôn” ngày 14/4/2022 thì ông C bà H xác nhận trước đó có vay nợ của bà V, bà L1, bà L và hứa sẽ trả vốn, lãi sau khi bán nhà, khi bán nhà xong vẫn chưa trả nợ nên có nghĩa vụ phải trả nợ vốn, lãi tính từ khi vay đến nay.Về án phí, do điều chỉnh thời gian phải trả lãi từ lúc vay nên bên vay có nghĩa vụ chịu án phí tương ứng số tiền phải trả.Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về án phí và chấp nhận kháng cáo của bà V, bà L1, bà L, không chấp nhận kháng cáo của ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Viết C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc L1, bà Nguyễn Thị Mai L, bà Đỗ Thị Kim V làm trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, phù hợp với quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về tố tụng, bà Phan Thị Kiều H là bị đơn đồng thời đại diện cho con Đặng Phan Minh K có yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Đặng Phan Mỹ D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Ông Đặng Viết C và bà Phan Thị Kiều H đã ly hôn Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 320/2022/QDST-HNGD ngày 25/4/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú nhưng chưa giải quyết về tài sản chung. Nay ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn đối với tiền bán căn nhà 106 Dương Văn Dương, tiền bán hai xe ô tô và phân chia nhà đất tại địa chỉ số 102/34 Dương Văn Dương, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng chỉ được chấp nhận một phần

nên ông C kháng cáo yêu cầu bà H phải trả ông 1.000.000.000 đồng tiền bán nhà 106 Dương Văn Dương và tiền lãi chậm trả 10%/năm từ ngày bà H nhận tiền bán nhà 02/8/2022 đến khi giải quyết xong vụ án và buộc bà H có trách nhiệm trả lãi chậm trả cho các bà V, L, L1 do việc bà H có lỗi nhận tiền nhà mà không trả nợ để phát sinh lãi chậm trả.

Theo quy định tại Điều 35 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng cùng có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung. Xét quá trình giải quyết vụ án bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông C và bà H có thỏa thuận sau khi bán nhà 106 Dương Văn Dương thì ông C sẽ cho con Mỹ Duyên 1.000.000.000đồng; ngoài chứng cứ là file ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà H và ông C do bà H lập vi bằng nộp cho tòa án trong thời gian xét xử sơ thẩm vụ án và nội dung ghi âm này cũng không thể hiện rõ việc ông C đồng ý sau khi bán nhà sẽ cho con tiền và cho bằng hình thức mang số tiền này đi gửi tiết kiệm đồng thời để bà H đứng tên sổ tiết kiệm thay con; Về phía ông C khẳng định ông và bà H không có văn bản thỏa thuận chia tài sản chung, không có việc ông hứa hẹn, thỏa thuận với bà H là sau khi bán nhà 106 Dương Văn Dương thì ông sẽ cho con Mỹ Duyên 1.000.000.000đồng, ông không có ý chí tặng cho con số tiền này, việc bà H tự ý chiếm giữ tiền bán nhà không thanh toán cho ông làm ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của ông vì vậy ông mới kiện đòi bà H phải trả lại số tiền này và lãi chậm trả cho ông. Theo quy định tại Điều 457, 458 Bộ luật dân sự 2015 thì hợp đồng tặng cho động sản chỉ có hiệu lực kể từ thời điểm bên được tặng cho nhận tài sản; theo trình bày của bà H ngày 10/7/2025 (BL 380) thì ngày 01/8/2022 bà đã lập một sổ tiết kiệm trị giá 1.000.000.000đồng cho con Mỹ Duyên tại ngân hàng nhưng vì con chưa đủ 18 tuổi và bà là người trực tiếp nuôi con nên bà đứng tên thay cho con, nội dung này cũng được bà Mỹ Duyên trình bày tại văn bản ngày 05/9/2024, điều đó thể hiện bà H là người thực tế nhận tiền, quản lý, nắm giữ toàn bộ số tiền này chứ không phải bà Duyên và khi bà Duyên làm văn bản trình bày nói trên thì bà Duyên vẫn chưa được nhận số tiền 1.000.000.000đồng mà ông C tặng cho (nếu có), nên không đủ cơ sở buộc ông C phải tặng cho bà Duyên tài sản, tiền bán nhà 106 Dương Văn Dương là tài sản chung của vợ chồng ông C bà H do bà H giữ từ lúc nhận tiền bán nhà đến nay chưa chia cho ông C vì vậy có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông C về việc buộc bà H phải trả lại số tiền 1.000.000.000đồng và tiền lãi do việc bà H chậm trả số tiền này theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày bà H nhận tiền bán nhà 02/8/2022 đến khi giải quyết xong vụ án như ông C yêu cầu.Như vậy tổng số tiền bán nhà 106 Dương Văn Dương bà H phải thanh toán cho ông Dương là 1.000.000.000đồng +155.000.000đồng=1.155.000.000đồng + lãi chậm thanh toán tương ứng số tiền phải trả tạm tính từ ngày 02/8/2022 đến ngày 02/8/2025 là 3 năm= 346.500.000đồng.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông C cho rằng bà H chậm thanh toán nợ sau khi bán nhà nên phát sinh lãi chậm thanh toán do lỗi của bà H nên bà H phải chịu trách nhiệm trả: xét thấy thanh toán tiền bán nhà là nghĩa vụ của bà H đối với ông C, việc bà H chậm thanh toán tiền bán nhà 106 Dương Văn Dương cho

ông C là không đảm bảo quy định pháp luật, gây ảnh hưởng quyền lợi của ông C thì án sơ thẩm đã buộc bà H phải trả ông C tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền bán nhà cho ông C là 45.954.090đồng; còn nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn là nghĩa vụ của bên vay gồm ông C, bà H đối với bên cho vay là bà L, bà L1, bà V; không thể đổ lỗi vì bà H chưa trả tiền bán nhà mà ông C không trả nợ vì đây là hai nghĩa vụ khác nhau nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông C.

Đối với kháng cáo của bà L, bà L1, bà V:

Ngày 13/9/2010 bà L cho ông C, bà H vay 10.000USD, tháng 02/2016 tiếp tục cho vay 320.000.000đồng với lãi suất 0,8%/tháng, không có giấy tờ cho vay.Tháng 01/2016 bà L1 cho ông C, bà H vay 500.000.000đồng, lãi suất 1,2%/tháng, không có giấy tờ cho vay.Theo giấy nợ ngày 02/01/2018 bà V cho ông C, bà H vay 300.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng.

Ngày 14/4/2022 ông C bà H tự làm "Giấy xác nhận nợ để thuận tình ly hôn", nội dung xác nhận vay bà L1 500.000.000 đồng, mượn bà L 320.000.000đồng +10.000USD để mua nhà và mượn bà V 300.000.000đồng để làm ăn và sẽ thanh toán cả gốc, lãi khi bán nhà.

Xét bà L, bà L1, bà V cho ông C, bà H vay tiền có lãi tính theo tháng, theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 thì hàng tháng bên vay là ông C bà H có nghĩa vụ trả lãi cho bên cho vay theo thỏa thuận nhưng thực tế sau khi vay đến nay ông C bà H vẫn chưa trả lãi cho bà V, bà L, bà L1. Như vậy quyền, lợi ích bên cho vay đã bị xâm phạm nhưng bà L, bà L1, bà V không có ý kiến gì; mãi đến ngày 19/9/2024, bà L, bà L1, bà V mới có đơn kiện đòi ông C, bà H phải trả nợ gốc, lãi theo thỏa thuận và ngày 13/12/2024 đại diện của ông C có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu đối với khoản vay nói trên; vì có giấy xác nhận nợ ngày 14/4/2022 bên vay hứa bán nhà xong sẽ trả nợ nên nghĩa vụ dân sự được xác định lại, nợ gốc phải trả đủ nhưng lãi tính từ khi bán nhà là có cơ sở. Bên vay thừa nhận vay nợ để mua nhà và làm ăn kinh doanh tức phục vụ chi phí chung của gia đình nên vợ chồng cùng có nghĩa vụ phải trả, đây là nghĩa vụ liên đới không phải nghĩa vụ chung theo phần nên không thể phân chia mỗi người trả ½ số nợ như đại diện bà V, bà L1, bà L và luật sư bà H yêu cầu. Còn việc ông C không cấp dưỡng nuôi con là thuộc trách nhiệm, nghĩa vụ khác, không thể tự hoán đổi thành nghĩa vụ trả nợ, không được ông C đồng ý và đương sự cũng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí:

Về án phí đối với yêu cầu trả lãi có nhầm lẫn nhưng tòa sơ thẩm đã có Quyết định số 57/2025/QĐ-SCBSBA ngày 13/8/2025 sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm phù hợp quy định pháp luật nên không cần thiết phải điều chỉnh vì vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà L, bà L1, bà V đòi tính lãi từ lúc cho vay đến nay và chia đôi nghĩa vụ trả nợ cho ông C, bà H mỗi người trả một

nửa số nợ và điều chỉnh án phí về tiền lãi như đại diện bà L, bà L1, bà V yêu cầu.

Tuy nhiên, khi ông C có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện về đòi tiền lãi chậm trả và khi bà L1, bà V có đơn yêu cầu độc lập thì đều có tạm nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nhưng án sơ thẩm không xử lý số tiền tạm ứng án phí các đương sự này đã tạm nộp và không áp dụng quy định pháp luật đối với trường hợp bên có nghĩa vụ chậm thanh toán cho bên được thanh toán theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là thiếu sót nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ông C được chia 1.155.000.000đồng tiền bán nhà 106 Dương Văn Dương + 38.000.000đồng tiền bán xe +1.808.703.504đồng tiền ½ giá trị nhà đất 102/34 Dương Văn Dương, tổng cộng 3.001.703.504 đồng, án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung ông C phải chịu là 92.034.070đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của ông C được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, đương sự kháng cáo không được Tòa chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo qui định pháp luật.

Các nội dung khác của án sơ thẩm đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên không xét.Do đó, cần sửa một phần bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 38, Điều 91, Điều 148, Điều 273, Điều 296, Điều 306, khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;Căn cứ vào các Điều 27,29,35,37,59,60 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Căn cứ Điều 357, Điều 457, Điều 458 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Ban hành quy định về mức thu, miễm giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

* Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Viết C và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc L1, bà Nguyễn Thị Mai L, bà Đỗ Thị Kim V về mặt hình thức.

* Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Viết C. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc L1, bà Nguyễn Thị Mai L, bà Đỗ Thị Kim V. Sửa một phần bản án hôn nhân sơ thẩm số 223/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Viết C.

1.1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Viết C về việc buộc bà Phan Thị Kiều H trả số tiền bán nhà 106 Dương Văn Dương, phường

Phú Thọ Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh còn lại cho ông C là 1.155.000.000 đồng.

1.2 Buộc bà Phan Thị Kiều H phải trả số tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền bán nhà 106 Dương Văn Dương cho ông Đặng Viết C là 346.500.000 đồng.

1.3 Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Viết C về việc yêu cầu buộc bà Phan Thị Kiều H phải trả cho ông Đặng Viết C ½ số nợ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 489.100.000 đồng.

1.4 Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể:

1.4.1 Bà Phan Thị Kiều H có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Viết C tiền bán xe ô tô biển số 51A-768.70 và xe ô tô biển số 51C-815.03 là 38.000.000 đồng.

1.4.2 Bà Phan Thị Kiều H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đặng Viết C ½ giá trị nhà đất số 102/34 đường Dương Văn Dương (thửa đất số 106, tờ bản đồ số 75), phường Phú Thọ Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh là 1.808.703.504 đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi bà Phan Thị Kiều H thanh toán xong số tiền trên cho ông Đặng Viết C, sau khi trừ các chi phí, lệ phí theo quy định thì bà Phan Thị Kiều H được toàn quyền sở hữu nhà đất tại địa chỉ số 102/34 đường Dương Văn Dương (thửa đất số 106, tờ bản đồ số 75), phường Phú Thọ Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV695493, số vào sổ CH02703 do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú cấp cho ông Đặng Viết C và bà Phan Thị Kiều H ngày 05/11/2014 và được quyền liên hệ các cơ quan chức năng có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký, thay đổi và xác lập quyền sở hữu, quyền sử dụng đất đối với tài sản nói trên theo quy định pháp luật và phải chấp hành quy định pháp luật về đất đai.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị Kim V.

2.1 Buộc ông Đặng Viết C và bà Phan Thị Kiều H liên đới trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị Kim V tiền gốc là 300.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm tính từ ngày 01/8/2022 đến ngày 21/7/2025 là 178.212.600 đồng. Tổng cộng là 478.212.600 đồng.

2.2 Không chấp nhận yêu cầu tính lãi từ ngày 02/01/2018 đến ngày 21/7/2025 là 453.369.863 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Mai L.

3.1 Buộc ông Đặng Viết C và bà Phan Thị Kiều H liên đới trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Mai L tiền gốc là 10.000USD tương đương số tiền 259.500.000 đồng.

Buộc ông Đặng Viết C và bà Phan Thị Kiều H liên đới trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Mai L tiền gốc là 320.000.000 đồng và lãi suất 9,6%/năm

trên số tiền gốc 320.000.000 đồng tính từ ngày 01/8/2022 đến ngày 21/7/2025 là 92.440.320 đồng.

Tổng cộng là 671.940.320 đồng.

3.2 Không chấp nhận yêu cầu tính lãi từ ngày 02/01/2016 đến ngày 21/7/2025 là 293.649.534 đồng.

3.3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Mai L về việc yêu cầu tính tiền lãi đối với số nợ 10.000USD.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Ngọc L1.

4.1 Buộc ông Đặng Viết C và bà Phan Thị Kiều H liên đới trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc L1 tiền gốc là 500.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/8/2022 đến ngày 21/7/2025 là 148.239.000 đồng, tổng cộng là 648.239.000 đồng.

4.2 Không chấp nhận yêu cầu tính lãi từ ngày 02/01/2016 đến ngày 21/7/2025 là 477.945.205 đồng.

5. Về án phí và thi hành án:

- Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Kể từ ngày bản án có hiệu luật pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng số tiền và thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Viết C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 92.034.070 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 55.805.500 đồng mà ông C đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036823 ngày 08/12/2022 và số tiền tạm ứng án phí 8.225.250 đồng mà ông C đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0040014 ngày 22/7/2024 cùng của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông C còn phải nộp thêm 28.003.320 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị Kiều H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 66.261.105 đồng.

Ông Đặng Viết C và bà Phan Thị Kiều H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Mai L được chấp nhận là 30.877.613 đồng

Ông Đặng Viết C, bà Phan Thị Kiều H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Ngọc L1 được chấp nhận là 29.929.560 đồng.

Ông Đặng Viết C, bà Phan Thị Kiều H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị Kim V được chấp nhận là 23.128.504 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.485.310 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 19.937.190 đồng mà bà L1 đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0045340 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc L1 số tiền chênh lệch là 3.451.880đồng.

Bà Đỗ Thị Kim V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.757.863đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 17.600.000 đồng mà bà L1 đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0045341 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho bà Đỗ Thị Kim V số tiền chênh lệch là 3.842.137đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Viết C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho ông Đặng Viết C số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0008049 ngày 06/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Ngọc L1 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Nguyễn Thị Ngọc L1 đã tạm nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0017140 ngày 12/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Đỗ Thị Kim V phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Đỗ Thị Kim V đã tạm nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0017143 ngày 12/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Mai L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí được tòa án chấp nhận nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định pháp luật.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM
- THADS TP.HCM ;
- TAND khu vực 9, TPHCM;
- Phòng THADS khu vực 9 - THADS TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Thu Phương